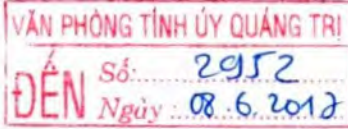


Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2017

Số 165 - KH/BKTTW



KẾ HOẠCH

Triển khai nghiên cứu Đề án trình Bộ Chính trị về
“Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng cường quốc phòng, an ninh và nâng cao hiệu quả khai thác Hành lang kinh tế Đông Tây cũng như tại các khu kinh tế Biên giới Việt- Lào”

Thực hiện Kế hoạch số 368-QĐ/BKTTW ngày 20/3/2017 của Ban Kinh tế Trung ương về việc chuẩn bị đề án trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2017; Ban Kinh tế Trung ương chủ trì và phối hợp với các cơ quan trung ương và địa phương nghiên cứu xây dựng Đề án “Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng cường quốc phòng, an ninh và nâng cao hiệu quả khai thác Hành lang kinh tế Đông Tây cũng như tại các khu kinh tế Biên giới Việt- Lào” trình Bộ Chính trị với các nội dung cơ bản sau:

1. Mục tiêu và sản phẩm của Đề án

1.1. Mục tiêu

- Đánh giá thực trạng đầu tư, hiệu quả khai thác, hiệu quả kinh tế của các công trình hạ tầng kỹ thuật hiện có đối với việc tăng cường quốc phòng an ninh và nâng cao hiệu quả khai thác Hành lang kinh tế Đông – Tây cũng như tại các khu kinh tế Biên giới Việt – Lào.

- Xem xét, đánh giá được sự đầu tư, phát triển các công trình hạ tầng kỹ thuật Hành lang kinh tế Đông - Tây của các quốc gia liên quan; vai trò của các nước và các nhà tài trợ bên ngoài Hành lang kinh tế Đông – Tây.

- Xác định vai trò, tầm quan trọng, tác động của phát triển hạ tầng kỹ thuật; những cơ hội, thách thức và những vấn đề đặt ra đối với không gian kinh tế khu vực, nhất là phát triển Hành lang kinh tế Đông – Tây. Trên cơ sở đó làm rõ sự cần thiết, nhu cầu cấp bách đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng cường quốc phòng an ninh và nâng cao hiệu quả khai thác Hành lang kinh tế Đông – Tây cũng như tại các khu kinh tế Biên giới Việt – Lào.

- Đề xuất được: (1) quan điểm, mục tiêu, các định hướng lớn; (2) cơ chế, chính sách đặc thù, giải pháp lớn; (3) một số đầu tư lớn chiến lược; (4) một số nguồn tài chính chiến lược với các nhà tài trợ cụ thể về phát triển hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng cường quốc phòng an ninh và nâng cao hiệu quả khai thác Hành lang kinh tế Đông – Tây cũng như tại các khu kinh tế Biên giới Việt – Lào.

1.2. Sản phẩm

Sản phẩm của Đề án bao gồm: Báo cáo tổng quan Đề án; Báo cáo tóm tắt Đề án; Báo cáo đề xuất, kiến nghị; Tờ trình Bộ Chính trị, dự thảo Nghị quyết (hoặc thông báo Kết luận) của Bộ Chính trị.

2. Phân công thực hiện

2.1. Ban Chỉ đạo Đề án

- Đồng chí Nguyễn Văn Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương, **Trưởng Ban Chỉ đạo.**

- Đồng chí Đinh La Thăng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Kinh tế Trung ương, **Phó Trưởng Ban thường trực Ban Chỉ đạo.**

- Đồng chí Thượng tướng Nguyễn Phương Nam, Phó Tổng Tham mưu trưởng QĐNDVN, **Phó Trưởng Ban Chỉ đạo.**

- Đồng chí Nguyễn Thế Phương, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, **Phó Trưởng Ban Chỉ đạo.**

- Đồng chí Đặng Đình Quý, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, **Phó Trưởng Ban Chỉ đạo.**

- Đồng chí Lê Đình Thọ, Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải, **Phó trưởng Ban Chỉ đạo.**

- Đồng chí Nguyễn Xuân Anh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư thành ủy Đà Nẵng, Phó Trưởng Ban thường trực Ban Điều phối vùng Miền Trung, **Ủy viên.**

- Đồng chí Lê Trường Lưu, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư tỉnh ủy Thừa Thiên Huế, **Ủy viên.**

- Đồng chí Nguyễn Văn Hùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư tỉnh ủy Quảng Trị, **Ủy viên.**

- Đồng chí Nguyễn Ngọc Quang, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam, **Ủy viên.**

- Đại diện lãnh đạo các bộ, ngành: Tài nguyên Môi trường, Tài chính, Công thương, Giao thông Vận tải, Công an, Thông tin và Truyền thông,

Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội là Ủy viên Ban Chỉ đạo.

2.2. Tổ Biên tập đề án

- Đồng chí Đinh La Thăng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Kinh tế Trung ương - Tổ trưởng Tổ biên tập;

- Đồng chí Vũ Trọng Bình, Vụ trưởng Vụ Địa phương, Tổ phó thường trực Tổ Biên tập Đề án;

- Đồng chí Bùi Quốc Dũng, Hàm Vụ trưởng Vụ Kinh tế Tổng hợp, Tổ phó Tổ Biên tập Đề án;

- Một đồng chí cán bộ cấp vụ của các bộ Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Giao thông vận tải, Ngoại giao làm Tổ phó Tổ Biên tập Đề án.

- Đồng chí Hồ Kỳ Minh, Phó Chủ tịch UBND Thành phố Đà Nẵng, thành viên.

- Đồng chí Phạm Hồng Hải, Phó Vụ trưởng Vụ Địa phương, Tổ trưởng Tổ Thư ký Đề án.

- Đồng chí Bùi Quang Trung, Phó Vụ trưởng Vụ Địa phương, thành viên.

- Đồng chí Ngô Xuân Hồng, Phó Vụ trưởng Vụ Công nghiệp, thành viên.

- Đồng chí Nguyễn Việt Hải Tuấn, chuyên viên Vụ Địa phương, thành viên

- Một số chuyên viên khác của Ban Kinh tế Trung ương

- Cán bộ cấp Vụ của các bộ, ngành: Công an, Tài chính, Giao thông Vận tải, Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội; Giám đốc Trung tâm phát triển vùng Miền Trung, Thành viên nhóm tư vấn của Ban điều phối Miền Trung.

- Giám đốc sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Trị. ✓

- Viện Trưởng Viện Chiến lược Chính sách, Bộ KHĐT; Viện trưởng Viện kinh tế Việt Nam, Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế luật TP HCM và một số chuyên gia theo đề xuất của Tổ trưởng Tổ Biên tập.

2.3. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì thực hiện

- Vụ Địa phương chủ trì triển khai thực hiện đề án theo sự phân công của Ban Chỉ đạo; phối hợp với các đơn vị, cơ quan, chuyên gia có liên quan tổ chức nghiên cứu xây dựng Đề án;

- Chủ động xây dựng dự thảo đề cương Đề án trình Ban Chỉ đạo trước ngày 24/5/2017 và thực hiện Đề án theo lộ trình thực hiện nêu tại mục 3 của Kế hoạch này.

- Liên hệ, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, chuyên gia hoàn thành các công việc được phân công.

- Thường xuyên báo cáo Ban Chỉ đạo các kết quả nghiên cứu cũng như kịp thời đề xuất, kiến nghị trong quá trình triển khai thực hiện nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ của Đề án.

- Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Tổ Biên tập do Tổ trưởng phân công.

2.4. Trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân phối hợp

a) Các cơ quan, đơn vị ngoài Ban

- Ban Kinh tế Trung ương gửi văn bản đề nghị các Bộ, ngành đề nghị cử cán bộ tham gia Ban Chỉ đạo và Tổ Biên tập Đề án.

- Bộ ngành, địa phương có thành viên tham gia Ban Chỉ đạo Đề án có trách nhiệm nghiên cứu, định hướng, đề xuất các vấn đề liên quan đến ngành, địa phương.

- Lãnh đạo các bộ: Quốc phòng, Ngoại giao, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải là thành viên thường trực của Ban Chỉ đạo Đề án và các cán bộ tham gia Tổ biên tập là thành viên thường trực Tổ biên tập Đề án.

- Ban Kinh tế Trung ương có văn bản gửi các ban, bộ, ngành, địa phương và một số tổ chức đề nghị góp ý về Đề cương, Nội dung nghiên cứu; đề nghị các đơn vị tham gia các nhánh, bài tham luận các chủ đề theo Đề cương được Ban Chỉ đạo Đề án thông qua: Kế hoạch & Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Quốc phòng, Công an, Ngân hàng Nhà nước, Ngoại giao, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội; Trung tâm phát triển vùng Miền Trung – Ban Điều phối Miền Trung, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương; Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và một số doanh nghiệp lớn.

- Mời các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Châu Á (ADB); Tổ chức GIZ của Đức, Tổ chức AFD của Pháp, Tổ chức JICA, Tổ chức UNDP (Liên hiệp quốc), Tổ chức UNIDO (Liên hiệp quốc), Tổ chức IFAD (Liên hiệp quốc); UN- Habitat tham luận tham gia hội thảo và tài trợ kinh phí thực hiện Đề án (nếu có).

- Ban Điều phối miền Trung phối hợp tổ chức nghiên cứu, khảo sát thực địa và tổ chức tọa đàm, hội thảo tại khu vực Miền trung.

- Mời các chuyên gia, các nhà khoa học tham gia Hội thảo, Tọa đàm, tham gia tham luận theo các nội dung định hướng của Ban Chỉ đạo hoặc Đề cương của Tổ Biên tập.

b) Các Vụ, đơn vị trong Ban

Các Vụ, đơn vị trong Ban tham gia xây dựng Đề án theo các nội dung liên quan, viết các chuyên đề theo chức năng nhiệm vụ, do Tổ Biên tập phân công.

3. Lộ trình xây dựng Đề án

TT	Nội dung công việc	Chủ trì	Đơn vị thực hiện	Thời hạn
1	Trình Ban Chỉ đạo Kế hoạch Đề án	Vụ Địa phương	Vụ Địa phương	25/5/2017
2	Tổng hợp các tài liệu liên quan đến Đề án từ các Bộ, ngành	Tổ biên tập	Vụ Địa phương	30/5/2017
3	Tổ Biên tập họp tham vấn ý kiến chuyên gia (phạm vi hẹp) về Đề cương Đề án	Tổ Biên tập	Vụ Địa phương	30/5/2017
4	Xây dựng Đề cương nghiên cứu và đề xuất tên Đề án trình Ban Chỉ đạo	Ban Chỉ đạo	Tổ Biên tập	15/6/2017
5	Gửi công văn đến các đơn vị, tổ chức phối hợp, chuyên gia (ngoài Ban) đề nghị về nội dung tham gia xây dựng báo cáo và viết tham luận (kèm định hướng nội dung, đề cương riêng cho từng đối tượng).	Ban Chỉ đạo	Vụ Địa phương, Văn phòng Ban	15/6-30/6/2017
6	Họp Ban Chỉ đạo và Tổ Biên tập Đề án để phân công nhiệm vụ.	Ban Chỉ đạo và Tổ Biên tập	Vụ Địa phương	5/6-30/6/2017
7	Tổ chức khảo sát tại một số địa phương, đơn vị, doanh nghiệp về nội dung nghiên cứu.	Ban Chỉ đạo	Tổ Biên tập,	Theo đề xuất của các Nhóm nghiên cứu
	Tổng hợp, hoàn thành Dự thảo lần 1	Tổ Biên tập	Vụ Địa phương	10/9/2017

8	của Đề án.	tập	phương	
9	Tổ chức Hội thảo để lấy ý kiến chuyên gia về Dự thảo lần 1 của Đề án	Tổ tập	Biên Vụ Địa phương	10/9 - 20/9/2017
10	Tiếp thu ý kiến chuyên gia và tổng hợp thành Dự thảo lần 2 của Đề án trình Ban Chỉ đạo (<i>Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, báo cáo đề xuất kiến nghị kèm dự thảo Nghị quyết hoặc kết luận, Tờ trình Bộ Chính trị</i>)	Tổ tập	Biên Vụ Địa phương	30/9/2017
11	Ban Chỉ đạo họp cho ý kiến vào Đề án	Ban đạo	Chi Tổ Biên tập	05/10 - 10/10/2017
12	Tổ chức Hội thảo chuyên gia chuyên sâu về Dự thảo lần 2 của Đề án	Ban đạo	Chi Vụ Địa phương	10/10 - 20/10/2017
13	Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung vào Dự thảo lần 3 Đề án theo ý kiến chỉ đạo của Ban Chỉ đạo và các chuyên gia được Ban Chỉ đạo lựa chọn (<i>Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, báo cáo đề xuất kiến nghị kèm dự thảo Nghị quyết hoặc kết luận, Tờ trình Bộ Chính trị</i>)	Tổ tập	Biên Vụ Địa phương	20/10 - 30/10/2017
14	Ban Chỉ đạo họp cho ý kiến về Dự thảo lần 3 Đề án	Ban đạo	Chi Vụ Địa phương	30/10- 10/11/2017
15	Chỉnh sửa, bổ sung, tiếp thu ý kiến theo kết luận của Ban Chỉ đạo	Tổ tập	Biên Vụ Địa phương	10/11 - 15/11/2017
16	Trình Trưởng ban Chỉ đạo các sản phẩm của Đề án (<i>Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, báo cáo đề xuất kiến nghị kèm dự thảo Nghị quyết hoặc Kết luận, Tờ trình Bộ Chính trị</i>)	Tổ tập	Biên Vụ Địa phương	15/11 - 15/12/2017

4. Phương pháp tổ chức thực hiện

- Tiến hành triển khai đồng bộ các nội dung liên quan đến Đề án như: tham vấn ý kiến chuyên gia vào các nội dung cụ thể của Đề án, khẩn trương thu thập thông tin các ban, bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp; tiến hành khảo sát thực tế tại các địa phương trực tiếp liên quan đến Hành lang Đông - Tây và các khu kinh tế Việt - Lào.

- Làm việc với một số bộ, ngành, viện, trường, địa phương, doanh nghiệp, ngân hàng, hiệp hội: trên cơ sở nghiên cứu các báo cáo đã được các đơn vị, tổ chức và trên thực tế quá trình nghiên cứu nếu có vấn đề cần trao đổi, làm rõ; Vụ Địa phương sẽ đề xuất cụ thể với Ban Chỉ đạo để sắp xếp lịch làm việc với các đơn vị, tổ chức nêu trên trong thời gian xây dựng Đề án phục vụ mục tiêu nghiên cứu của Đề án.

- Tổ chức tọa đàm, hội thảo để tham vấn ý kiến chuyên gia về các nội dung liên quan đến Đề án.

- Phối hợp với Ban Điều phối Miền Trung tổ chức nghiên cứu thực địa tại các địa phương, tổ chức tọa đàm, hội thảo tại địa bàn Miền Trung, tổ chức khảo sát dọc Hành lang kinh tế Đông - Tây.

5. Kết quả dự kiến

- Báo cáo tổng hợp Đề án "*Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng cường quốc phòng, an ninh và nâng cao hiệu quả khai thác Hành lang kinh tế Đông - Tây cũng như tại các khu kinh tế Biên giới Việt - Lào*" trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Báo cáo tóm tắt Đề án "*Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng cường quốc phòng, an ninh và nâng cao hiệu quả khai thác Hành lang kinh tế Đông - Tây cũng như tại các khu kinh tế Biên giới Việt - Lào*" trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Tờ trình Đề án "*Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng cường quốc phòng, an ninh và nâng cao hiệu quả khai thác Hành lang kinh tế Đông Tây cũng như tại các khu kinh tế Biên giới Việt - Lào*" trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Dự thảo Nghị quyết hoặc Kết luận về "*Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng cường quốc phòng, an ninh và nâng cao hiệu quả khai thác Hành lang kinh tế Đông Tây cũng như tại các khu kinh tế Biên giới Việt - Lào*" (gửi kèm tờ trình Đề án).

6. Kinh phí và các điều kiện thực hiện

Văn phòng Ban Kinh tế Trung ương phối hợp với đơn vị chức năng của Văn phòng Trung ương Đảng xây dựng dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; Văn phòng Ban chủ trì, phối hợp với các vụ, đơn vị thuộc Ban trong việc đàm phán, tiếp nhận, khai thác, sử dụng kinh phí tài trợ, viện trợ theo quy định hiện hành.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Tổ trưởng Tổ Biên tập tổng hợp, báo cáo trình Ban Chỉ đạo xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Như Mục 2,
- Lãnh đạo Ban,
- Các vụ, đơn vị thuộc Ban,
- Lưu Văn phòng Ban.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Văn Bình



Hà nội, ngày 05 tháng 6 năm 2017

ĐỀ CƯƠNG ĐỀ ÁN

“Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng cường quốc phòng, an ninh và nâng cao hiệu quả khai thác hành lang kinh tế Đông Tây cũng như tại các khu kinh tế biên giới Việt- Lào”

1. Sự cần thiết nghiên cứu Đề án

Hội nhập kinh tế quốc tế là một chủ trương nhất quán, là nội dung trọng tâm trong chính sách đối ngoại và hợp tác kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước ta trong quá trình đổi mới và phát triển đất nước; đưa nước ta từng bước, chủ động hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới, nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế; là cơ hội để đưa nước ta trở thành quốc gia có nền kinh tế phát triển, thúc đẩy hoạt động xuất khẩu, thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, mở ra không gian phát triển mới và góp phần vào tăng trưởng kinh tế. Tại Đại hội X năm 2006, Đảng ta đã nhấn mạnh chủ trương “*chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực khác*”. Sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) vào tháng 1/2007, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 5/2/2007 về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của WTO. Đại hội lần thứ XI của Đảng đã đề ra đường lối đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ phát triển mới, trong đó có chủ trương rất quan trọng là “*chủ động và tích cực hội nhập quốc tế*”. Để cụ thể hóa, ngày 10/4/2013, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 22 - NQ/TW về hội nhập quốc tế với mục tiêu cụ thể là: “*củng cố môi trường hòa bình, tranh thủ tối đa các điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; quảng bá hình ảnh Việt Nam, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc; tăng*

cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước; góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới". Gần đây, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ban hành Nghị quyết số 06 - NQ/TW ngày 05/11/2016 về **“Thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị – xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”**; nêu rõ mục tiêu thực hiện tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, nhằm tăng cường khả năng tự chủ của nền kinh tế, mở rộng thị trường, tranh thủ thêm vốn, công nghệ, tri thức, kinh nghiệm quản lý, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Việt Nam có nhiều lợi thế để bước vào hội nhập kinh tế quốc tế, nhờ vị trí chiến lược về địa lý kinh tế - chính trị trên thế giới, khu vực, nơi giao thoa của các dòng chảy thương mại Âu - Á, Mỹ - Á, Đại Dương - Á và Phi - Á.

Hành lang kinh tế Đông - Tây (East - West Economic Corridor - EWEC) ra đời theo sáng kiến của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Nhật Bản tại Hội nghị Bộ trưởng Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng lần thứ tám tổ chức tại Manila, Philippines (năm 1998) với mục đích nhằm thúc đẩy phát triển và hội nhập kinh tế giữa bốn nước: Việt Nam, Lào, Myanmar và Thái Lan. EWEC dựa trên một tuyến giao thông đường bộ dài 1.450 km, có cực Tây là thành phố cảng Mawlamyine (Myanmar), đi qua bang Kayin (Myanmar); các tỉnh: Tak, Sukhothai, Kalasin, Phitsanulok, Khon Kaen, Yasothon, Mukdahan (Thái Lan); Savannakhet (Lào); Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế và cực Đông là thành phố Đà Nẵng (Việt Nam).

Đây là một trong ba trục giao thông chiến lược, quan trọng nhất của tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) và cũng là tuyến đường bộ ngắn nhất giúp vùng Đông Bắc của Thái Lan và Lào tiếp cận với Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Hành lang kinh tế Đông Tây là biện pháp hợp tác mới để thúc đẩy hợp tác và phát triển kinh tế của các nước tiểu vùng Mê Kông; là cơ chế hợp tác và liên kết địa phương trên cơ sở hình thành những vùng kinh tế liên quốc gia có sự thống nhất, kết nối về hạ tầng, trong đó hạ tầng kỹ thuật đóng vai trò then chốt, để hình thành không gian kinh tế phát triển chung.

Hơn 10 năm kể từ khi thông tuyến, Hành lang kinh tế Đông - Tây đã có bước phát triển, nhất là về hạ tầng, thể hiện quyết tâm và nỗ lực của Chính phủ, địa phương của các nước liên quan; tạo cơ hội cho các địa phương các nước dọc Hành lang phát triển kinh tế - xã hội (phát triển đô thị, thúc đẩy thương mại, du lịch; thu hút đầu tư, phát triển các khu kinh tế cửa khẩu, bước đầu hình thành khu vực kinh tế cấp địa phương xuyên quốc gia; là môi trường để các nước khu vực thử nghiệm các chính sách kinh tế mới cấp liên kết địa phương - địa phương), mở ra những cơ hội hợp tác trên nhiều lĩnh vực cho các địa phương thành viên.

Xác định EWEC có vai trò, vị trí quan trọng với nhiều tiềm năng và lợi thế, Đảng và Nhà nước đã có những chủ trương, chính sách nêu rõ trong các Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và Nghị quyết cụ thể cho các địa phương mà Hành lang kinh tế Đông Tây đi qua. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011- 2020 với chủ trương: *“Hình thành và phát triển các hành lang, vành đai kinh tế và các cực tăng trưởng có ý nghĩa đối với cả nước và liên kết trong khu vực: Tạo sự kết nối đồng bộ về hệ thống kết cấu hạ tầng để hình thành trục kinh tế Bắc - Nam, các hành lang kinh tế Đông - Tây, các hành lang kinh tế xuyên Á. Hình thành các cụm, nhóm sản phẩm công nghiệp, dịch vụ, kết nối các đô thị trung tâm dọc tuyến hành lang kinh tế. Xây dựng trung tâm hợp tác phát triển kinh tế lớn tại các cửa khẩu trên các hành lang kinh tế”*; Nghị quyết số 33 - NQ/TW ngày 16/10/2003 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước chỉ rõ: *“Tiếp tục phát huy tiềm năng và lợi thế so sánh, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển thành phố tương xứng với tầm vóc là trung tâm kinh tế - xã hội của khu vực miền Trung, có tác động lan toả đối với sự phát triển của các tỉnh lân cận, Tây Nguyên và với cả Hành lang kinh tế Đông - Tây, tiểu vùng Mê Kông”*; Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 25/5/2009 về xây dựng, phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế cũng đã nêu: *“Gắn xây dựng, phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế và đô thị Huế trong mối quan hệ hữu cơ với các tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và các nước thuộc Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, thông qua Hành lang kinh tế Đông -Tây, trục Quốc lộ 1A, đường bộ cao tốc để thu hút vốn đầu tư và công nghệ mới nhằm phát triển công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ, du lịch và xây dựng hạ tầng kỹ thuật”*.

Cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Thủ tướng Chính phủ và các địa phương trên EWEC đã ban hành nhiều văn bản tạo khung pháp lý quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động phát triển EWEC. Nhiều chủ trương, giải pháp, chính sách đề ra gắn việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội với phát triển vùng và khu vực với mục tiêu nhằm tiếp tục huy động mọi nguồn lực để khai thác tốt hơn các tiềm năng, lợi thế EWEC, tạo bước đột phá mới để thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh. Tăng cường quan hệ hợp tác, giao lưu thương mại, mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, hình thành các trung tâm thương mại - du lịch, dịch vụ, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; giải quyết tốt vấn đề việc làm, xóa đói giảm nghèo, từng bước nâng cao đời sống của nhân dân.

Tuy nhiên, các cơ chế, chính sách để huy động mạnh mẽ mọi nguồn lực của xã hội, bảo đảm lợi ích để thu hút các nhà đầu tư vào phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật đồng bộ nhằm khai thác các lợi thế của Hành lang còn nhiều bất cập. Hạn chế của hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật là điểm nghẽn để Hành lang kinh tế Đông - Tây đóng vai trò là động lực và có tác động lan tỏa nhằm phát triển kinh tế xã hội và củng cố an ninh quốc phòng các địa phương trong khu vực; cụ thể: (1) Kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, chủ yếu mới phát triển hạ tầng giao thông đường bộ, các hạ tầng khác như viễn thông, truyền tải điện, kho tàng, bến bãi... vẫn chưa hoàn thiện; (2) Vai trò là Hành lang lưu chuyển hàng hóa từ Tây sang Đông và ngược lại chưa được phát huy; (3) Chính sách thu hút được đầu tư chưa tương xứng với tiềm năng, hoạt động thương mại chưa sôi động; (4) Mô hình “Một cửa, một điểm dừng” mới chỉ triển khai bước 1, thủ tục, quy định trong nước còn nhiều vướng mắc, chưa đa dạng các mô hình khai thác; (5) Hội nhập quốc tế giữa các quốc gia trong khu vực còn nhiều bất cập; (6) Động lực tăng trưởng của Hành lang với các địa phương trong khu vực còn thấp; tính lan tỏa của Hành lang với không gian kinh tế vùng, khu vực chưa cao; tác động của Hành lang với các khu kinh tế cửa khẩu và ngược lại còn nhiều hạn chế; (7) Chưa hình thành được liên kết kinh tế giữa các địa phương các nước dọc Hành lang.

Nhằm khai thác hiệu quả hơn các tiềm năng và lợi thế của Hành lang kinh tế Đông - Tây; phát huy vai trò động lực tăng trưởng của Hành lang với các địa phương; tạo ra sự chuyển biến lớn phát triển hạ tầng kỹ thuật giữa các địa phương dọc Hành lang, làm cơ sở thúc đẩy sự hình thành và thống nhất

liên kết kinh tế giữa các địa phương các nước. Thực hiện Kế hoạch công tác chuyên môn năm 2017, Ban Kinh tế Trung ương xây dựng đề án “**Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng cường quốc phòng, an ninh và nâng cao hiệu quả khai thác Hành lang kinh tế Đông - Tây cũng như tại các khu kinh tế biên giới Việt-Lào**” theo chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2017.

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề án

- Đánh giá thực trạng đầu tư, hiệu quả khai thác, hiệu quả kinh tế của các công trình hạ tầng kỹ thuật hiện có đối với việc tăng cường quốc phòng an ninh và nâng cao hiệu quả khai thác Hành lang kinh tế Đông – Tây cũng như tại các khu kinh tế biên giới Việt – Lào.

- Xem xét, đánh giá được sự đầu tư, phát triển các công trình hạ tầng kỹ thuật Hành lang kinh tế Đông - Tây của các quốc gia liên quan; vai trò của các nước và các nhà tài trợ bên ngoài Hành lang kinh tế Đông – Tây.

- Xác định vai trò, tầm quan trọng, tác động của phát triển hạ tầng kỹ thuật; những cơ hội, thách thức và những vấn đề đặt ra đối với không gian kinh tế khu vực, nhất là phát triển Hành lang kinh tế Đông – Tây. Trên cơ sở đó làm rõ sự cần thiết, nhu cầu cấp bách đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng cường quốc phòng an ninh và nâng cao hiệu quả khai thác Hành lang kinh tế Đông – Tây cũng như tại các khu kinh tế biên giới Việt – Lào.

- Đề xuất được: (1) quan điểm, mục tiêu, các định hướng lớn; (2) cơ chế, chính sách đặc thù, giải pháp lớn; (3) một số đầu tư lớn chiến lược; (4) một số nguồn tài chính chiến lược với các nhà tài trợ cụ thể về phát triển hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng cường quốc phòng an ninh và nâng cao hiệu quả khai thác hành lang kinh tế Đông – Tây cũng như tại các khu kinh tế biên giới Việt – Lào.

3. Phạm vi nghiên cứu của Đề án:

- Không gian: các địa phương thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền trung, tập trung vào 04 tỉnh: Đà Nẵng, Thừa Thiên- Huế, Quảng Trị, Quảng Nam và một số địa bàn khác liên quan.

- Thời gian: từ khi Hành lang kinh tế Đông - Tây được thông tuyến (12/2006).

4. Sản phẩm của Đề án

- Báo cáo tổng quan Đề án; Báo cáo tóm tắt Đề án; Báo cáo đề xuất, kiến nghị; Tờ trình Bộ Chính trị.

- Dự thảo Nghị quyết (hoặc thông báo Kết luận) của Bộ Chính trị.

5. Đề cương Báo cáo tổng hợp của Đề án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề án gồm có 04 phần:

PHẦN I

BỐI CẢNH QUỐC TẾ PHÁT TRIỂN

HÀNH LANG KINH TẾ ĐÔNG TÂY

I. Khái niệm về Hành lang kinh tế Đông – Tây.

II. Các văn bản quốc tế đã kí kết và quá trình thực hiện.

III. Hành lang kinh tế Đông – Tây trong hội nhập ASEAN và hợp tác giữa ASEAN với các nước khác trong khu vực.

IV. Những thuận lợi và hạn chế, khó khăn về hợp tác quốc tế giữa các nước trong phát triển Hành lang kinh tế Đông – Tây.

PHẦN II

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT NHẪM TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG AN NINH VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KHAI THÁC HÀNH LANG KINH TẾ ĐÔNG TÂY CŨNG NHƯ TẠI CÁC KHU BIÊN GIỚI VIỆT – LÀO

I. Thực trạng đầu tư phát triển các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng cường quốc phòng an ninh và nâng cao hiệu quả khai thác Hành lang kinh tế Đông – Tây cũng như tại các khu kinh tế biên giới Việt – Lào.

1. Thực trạng đầu tư phát triển các công trình hạ tầng kỹ thuật.

2. Mối quan hệ với việc tăng cường quốc phòng an ninh.

3. Hiệu quả khai thác đối với Hành lang kinh tế Đông – Tây.

4. Hiệu quả khai thác đối với phát triển các khu kinh tế Việt – Lào.

II. Các nguồn tài chính đầu tư, các nhà đầu tư, nhà tài trợ quốc tế

1. Các nguồn tài chính, các nhà đầu tư từ các tổ chức tài trợ quốc tế (ADB...).

2. Các nguồn tài chính, các nhà đầu tư từ các nước bên ngoài Hành lang kinh tế Đông – Tây.

3. Các nguồn tài chính từ ngân sách Trung ương và Địa phương.

4. Các nguồn tài chính từ doanh nghiệp, ngân hàng, các nhà đầu tư quốc tế khác.

5. Hạn chế, khó khăn và nguyên nhân việc huy động vốn đầu tư phát triển các công trình hạ tầng kỹ thuật.

PHẦN III

ĐỊNH HƯỚNG VÀ KIẾN NGHỊ CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT NHẪM TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG AN NINH VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KHAI THÁC HÀNH LANG KINH TẾ ĐÔNG TÂY CŨNG NHƯ TẠI CÁC KHU BIÊN GIỚI VIỆT – LÀO 2016 – 2025, VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

I. Tầm nhìn phát triển Hành lang kinh tế Đông - Tây

- Tình hình cộng đồng kinh tế ASEAN và chiến lược phát triển kinh tế dọc Hành lang kinh tế Đông - Tây của các nước liên quan, nhất là về đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Mối quan hệ và tích hợp giữa phát triển EWEC với chiến lược “Một trục, hai cánh” hướng Nam của Trung Quốc.

- Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới tác động đến Hành lang kinh tế Đông - Tây: AFTA, ASEAN - Trung Quốc, ASEAN +3 (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc), nhất là về đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật tại Hành lang kinh tế Đông – Tây cần căn cứ vào các cơ chế hợp tác quốc tế, mối quan hệ chung với các nước và các địa phương dọc Hành lang kinh tế Đông – Tây.

- Tích hợp được sự liên kết và tác động lan tỏa của đầu tư hạ tầng kỹ thuật phát triển Hành lang kinh tế Đông - Tây với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên, Bắc Trung bộ nói chung và các địa phương dọc hành lang tại Việt Nam nói riêng.

- Một số yếu tố có liên quan về an ninh quốc phòng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật của Hành lang kinh tế Đông - Tây cũng như tại các khu kinh tế biên giới Việt - Lào.

II. Quan điểm, mục tiêu và giải pháp về “Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng cường quốc phòng an ninh và nâng cao hiệu quả khai thác hành lang kinh tế Đông - Tây cũng như tại các khu kinh tế biên giới Việt - Lào.

1. Quan điểm

Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng cường quốc phòng an ninh và nâng cao hiệu quả khai thác hành lang kinh tế Đông - Tây cũng như tại các khu kinh tế biên giới Việt - Lào.

a. Phải tính đến và có sự phối hợp chặt chẽ với chiến lược phát triển, cơ chế và chính sách hỗ trợ đầu tư của các nước dọc Hành lang kinh tế Đông - Tây.

b. Cần thiết dựa trên sự liên kết giữa các địa phương liên quan ở Việt Nam và các nước khác dọc Hành lang về quy hoạch, hỗ trợ và kêu gọi đầu tư, khai thác, quản trị.

c. Cần có sự đột phá lớn về cơ chế, chính sách, có tính chất cạnh tranh quốc tế cao, kết nối giữa các nước trong khu vực tạo không gian kinh tế chung dọc hành lang, nhằm thu hút hiệu quả các nhà đầu tư lớn quốc tế, các luồng tài chính quốc tế, có tác động lan tỏa tới phát triển kinh tế - xã hội toàn khu vực Miền Trung, Tây Nguyên.

d. Cần tính toán tới sự kết nối chặt chẽ với các công trình hạ tầng kỹ thuật chung của Quốc gia, nhất là vùng Tây Nguyên, Bắc Trung bộ, nhằm tạo ra sự khai thác hiệu quả, tránh tư duy cục bộ, đơn lẻ của từng tỉnh, thành phố trong quy hoạch và hỗ trợ đầu tư.

e. Cần tính toán, có sự phối hợp chặt chẽ với các vấn đề an ninh quốc phòng cả trong quy hoạch, đầu tư, quản trị sau đầu tư, nhưng cũng không làm cản trở đầu tư, tuân thủ tốt luật pháp quốc tế.

2. Mục tiêu

Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng cường quốc phòng an ninh và nâng cao hiệu quả khai thác hành lang kinh tế Đông – Tây cũng như tại các khu kinh tế biên giới Việt – Lào nhằm:

a. Mở rộng và đưa quan hệ của nước ta với các nước ASEAN đi vào chiều sâu, tạo thế đan xen lợi ích, góp phần gìn giữ môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

b. Đưa không gian dọc Hành lang kinh tế Đông – Tây trên địa bàn nước ta và làm cơ sở thúc đẩy cả ở các nước khác, thực sự trở thành khu vực năng động phát triển kinh tế - xã hội, hấp dẫn đầu tư, tranh thủ thêm vốn, công nghệ, tri thức, kinh nghiệm quản lý, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

c. Thu hút có hiệu quả các nhà đầu tư lớn quốc tế vào phát triển các công trình hạ tầng kỹ thuật, không chỉ ở phía Việt Nam mà cả các nước khác, thúc đẩy quá trình hình thành không gian kinh tế chung năng động dọc Hành lang.

3. Giải pháp

3.1. Quy hoạch:

- Quy hoạch không gian phát triển kinh tế, nhất là quy hoạch các công trình hạ tầng kỹ thuật chung các tỉnh Hành lang kinh tế Đông – Tây gắn với quy hoạch các địa phương của các quốc gia dọc Hành lang kinh tế Đông – Tây.

- Quy hoạch phát triển các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng cường cường quốc phòng an ninh và nâng cao hiệu quả khai thác hành lang kinh tế Đông – Tây cũng như tại các khu kinh tế biên giới Việt – Lào: năng lượng, công nghiệp, logistic, du lịch.

3.2. Ban hành chủ trương xây dựng các đề án đầu tư

- Xây dựng các đề án phát triển hạ tầng kỹ thuật trên lãnh thổ Việt Nam, phối hợp cùng các nước bạn hình thành các đề án quốc tế dọc hành lang, kêu gọi đầu tư.

- Ban hành chủ trương đầu tư, đàm phán cùng các nước liên quan, thống nhất chủ trương đầu tư.

3.3. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng cường quốc phòng an ninh và nâng cao hiệu quả khai thác hành lang kinh tế Đông – Tây cũng như tại các khu kinh tế biên giới Việt – Lào.

- Cơ chế, chính sách quy hoạch và quản lý quy hoạch.
- Cơ chế, chính sách về đầu tư.
- Cơ chế chính sách về huy động các nguồn tài chính, giải ngân.
- Cơ chế chính sách về quản lý, khai thác, sử dụng, chia sẻ lợi nhuận công trình hạ tầng.
- Cơ chế chính sách kết hợp với an ninh quốc phòng.
- Chính sách đất đai, thuế...

3.4. Giải pháp về các nguồn tài chính

- Ngân sách Trung ương, trái phiếu...
- Tài trợ các tổ chức quốc tế (ADB, WB..)
- Tài trợ từ các nước liên quan (JICA, AFD...)
- Các quỹ đầu tư.
- Doanh nghiệp.
- Các địa phương.

IV. Kiến nghị và tổ chức thực hiện

1. Đối với Bộ Chính trị và Ban Bí thư

2. Đối với Đảng đoàn Quốc hội

3. Đối với Ban cán sự Đảng Chính phủ

4. Đối với các tỉnh, thành ủy thuộc vùng Hành lang kinh tế Đông – Tây.